TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2023/HC-PT
Ngày 26 – 4 - 2023
V/v "Khiếu kiện quyết định quyết định bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa và bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 52/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định quyết định bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 773/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Trung T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Đ, xã X, huyện Q (nay là thành phố Q), tỉnh Kiên Giang. *(Có mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NUQ1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: phường P1, quận Q1, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện Q (nay là thành phố Q), tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Y (nay là phường Y), huyện Q (nay là thành phố Q), tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NPL – Chủ tịch UBND huyện Q (nay là thành phố Q). *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NUQ2, chức Phó Chủ vụ: tịch UBND huyện Q (nay là thành phố Q). *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông NBV – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q. *(Có mặt)*

3. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân huyện Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Lê Trung T và người đại diện ông NUQ1 trình bày:

Năm 1991 cha mẹ ruột của ông Lê Trung T là ông Lê Văn U và bà Trần Thị N có khai khẩn một thửa đất diện tích 102.654,9m² tại ấp Đ, xã X, huyện Q, tỉnh Kiên Giang và sử dụng để cất nhà, đào ao nuôi cá và trồng cây trên đất. Ngoài diện tích đất này gia đình ông T không còn diện tích đất nào khác. Quá trình sử dụng đất ông Lê Văn U có nhiều người sống lâu năm ở địa phương biết rõ như: Ông Nguyễn Văn E (là Trưởng ấp Đ từ năm 1988 đến năm 2004), ông Nguyễn Văn S (là Trưởng ấp Đ từ năm 2004 đến năm 2009).

Năm 2005 sau khi mẹ ông T là bà Trần Thị N chết, ông Lê Văn U làm "Tờ cho đất" phân chia phần đất của gia đình cho các con, cụ thể: Lê Xuân C1, Lê Thành C2, Lê Thiện C3 mỗi người một phần hơn 25 công (25.000m²). Riêng Lê Trung T ở cùng với cha khi nào cha già yếu thì được thừa hưởng phần còn lại.

Thực hiện dự án khu Du lịch – Dân cư L, ngày 27/10/2011 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Q ra Quyết định số 5102/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 26.156,1m² của ông Lê Văn U, loại đất rừng phòng hộ. Trong ngày 03/11/2011 UBND huyện Q ra Quyết định 5551/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 112,4m² của ông U, loại đất ở nông thôn và Quyết định 5530/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 76.386,4m² của ông Lê Văn U, loại đất rừng phòng hộ. Các quyết định này thu hồi tổng số 102.654,9m² đất của ông Lê Văn U. Gia đình ông T không được UBND huyện Q giao các quyết định này.

Ngày 13/11/2021 ông Lê Văn U bị bệnh chết, sau khi ông U chết gia đình mới được UBND huyện Q giao Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông U, quyết định này chỉ hỗ trợ cho ông U 287.016.000 đồng mà không bồi thường, tái định cư cho ông U. Do không được bồi thường nên ông Lê Trung T đại diện anh chị em làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Q yêu cầu được bồi thường diện tích đất

102.654,9m². Ngày 07/6/2017 Chủ tịch UBND huyện Q tổ chức đối thoại với ông T, nội dung kết luận Chủ tịch UBND huyện Q giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xác minh lại nguồn gốc đất của ông U. Nếu ông U sử dụng đất năm 1991 thì bồi thường theo quy định, nếu sử dụng sau năm 1998 thì hỗ trợ thêm diện tích 15.933,4m² cho đủ hạn mức 30.000m², thống nhất lập phương án bồi thường bổ sung cây trồng và công đào ao cho gia đình ông U. Cũng tại cuộc đối thoại này gia đình mới biết được các quyết định thu hồi đất của ông U.

Đến tháng 8/2017 gia đình ông T vẫn chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Q. Ngày 16/8/2017 các anh chị em ông đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy các Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2021; Quyết định số 5551/QĐ-UBND và Quyết định số 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND huyện Q về việc thu hồi đất của ông Lê Văn U; Hủy Quyết định số 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông U.

Ngày 16/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang có Bản án số 35/2018/HC-ST, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C1, ông C3, ông C2, ông T, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Để thực hiện Bản án của Tòa án, ngày 31/12/2019 Ủy ban nhân dân huyện Q ra Quyết định số 7221/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, diện tích thu hồi là 27.542,50m². Ngày 18/02/2020 UBND huyện Q ra Quyết định 983/QĐ-UBND về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng với số tiền 2.730.911.000 đồng. Nội dung Bản án số 35/2018/HC-ST xác định nguồn gốc đất của ông U là đủ điều kiện bồi thường và kiến nghị UBND huyện Q khi ra quyết định thu hồi mới cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 để ra quyết định bồi thường cho người bị thu hồi. Nhưng UBND huyện Q chỉ hỗ trợ mà không bồi thường là trái với nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện Q về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho ông Lê Trung T

- Buộc UBND huyện Q (nay là thành phố Q) ban hành quyết định về việc bồi thường đối với diện tích đất 27.542,50m² tại ấp Đ, xã X, huyện Q, tỉnh Kiên Giang và thực hiện chính sách hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện UBND thành phố Q, người đại diện ông NUQ2 trình bày:

Nguồn gốc đất diện tích 27.542,50m² tại ấp Đ, xã X, huyện Q là đất rừng tự nhiên do nhà nước quản lý. Trước năm 1993 cụ Lê Văn U là cha của ông Lê Trung

T vào khu vực đất rừng này bắt cá đồng và đào ao để bắt cá tự nhiên, ngoài ra ông U không canh tác hay sử dụng gì đối với diện tích 27.542,50m² đất trên.

Ngày 18/6/1998, UBND tỉnh Kiên giang đã ban Quyết định số 2163/QĐ- UB, đưa diện tích 33.307,82ha là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, trong đó có diện tích 27.542,50m² đất trên của gia đình ông T. Do Ban Quản lý rừng Phòng hộ quản lý không chặt chẽ nên khoảng năm 2000 gia đình ông Lê Văn U vào phát dọn trồng đào, tràm bông vàng trên diện tích 27.542,50m² đất trên. Đến năm 2005 cụ U cho lại con là ông Lê Trung T sử dụng.

Ngày 24/5/2007, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 904/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giao UBND huyện Q để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng Khu du lịch - dân cư Bắc và L tại xã X, thị trấn An Thới, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/10/2011, UBND huyện Q ra Quyết định số 5046/QĐ- UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu du lịch - Dân cư L tại xã X và thị trấn An Thới, huyện Q. Sau đó các con của cụ U đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tại bản án số 35 ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên hủy quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 và quyết định số 5530/QĐ-UBND ngày 03/10/2011 của UBND huyện về việc thu hồi đất của ông Lê Văn U; hủy quyết định số 5834/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Văn U. Kiến nghị UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với bà Lê Xuân C1, ông Lê Thành C2, ông Lê Trung T, ông Lê Thiện C3 thay thế cho các quyết định bị hủy theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện Bản án số 35, ngày 31/12/2019 UBND huyện Q ban hành quyết định số 7215/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ về quyền sử dụng đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại dự án khu du lịch - dân cư L tại xã X và thị trấn An Thới, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Cùng ngày UBND thành phố Phúc Quốc ban hành quyết định số 7221/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với diện tích 27.542,50m² của ông Lê Trung T.

Ngày 18/02/2020, UBND huyện Q ban hành quyết định số 983/QĐ-UBND về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho ông Lê Trung T với số tiền 2.730.911.000 đồng (trong đó, hỗ trợ 80% giá trị quyền sử dụng đất diện 27.542,50m² với số tiền 2.644.080.000đồng, hỗ trợ 100% cây trồng với số tiền 86.831.000 đồng) cho ông T.

Tại Biên bản số 95/BB-HĐ ngày 26/11/2019 của UBND xã X về xét duyệt diện tích đất 27.542,50m² của gia đình cụ U là bắt đầu sử dụng từ 2004, là sau thời điểm ngày 18/6/1998 UBND tỉnh Kiên Giang đã ban Quyết định số 2163/QĐ-UB, quy định diện tích 33.307,82ha, trong đó có diện tích 27.542,50m² của gia đình cụ U là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng Q. Nên UBND thành phố Q không bồi thường mà chỉ hỗ trợ diện tích đất 27.542,50m² và tài sản trên đất cho ông Lê Trung T là phù hợp theo điểm b khoản 1, Điều 1 của Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nên đề nghị Tòa án bác nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung T và UBND thành phố Q xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung T.

Hủy Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện Q về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho ông Lê Trung T.

Buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, bồi thường cây trồng trên đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Lê Trung T theo quy định pháp luật đối với diện tích đất bị thu hồi 27.542,50m² tọa lạc tại ấp Đ, xã X, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang (Theo Quyết định thu hồi đất số 7221/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Q, tỉnh Kiên Giang).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, người bị kiện là UBND thành phố Q kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông NBV là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng: Tại Biên bản số 95/BB-HĐ ngày 26/11/2019 của UBND xã X đã xác định quá trình sử dụng diện tích đất 27.542,50m² của gia đình ông T là bắt đầu từ 2004, là sau thời điểm ngày 18/6/1998 UBND tỉnh Kiên giang đã ban Quyết định số 2163/QĐ-UB, quy định diện tích 33.307,82ha, trong đó có diện tích 27.542,50m² của gia đình ông T là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Nên UBND thành phố Q không bồi thường mà chỉ hỗ trợ đất và cây trồng trên đất cho ông Lê Trung T là phù hợp theo điểm b

khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Người làm chứng như ông Nguyễn Văn E (là Trưởng ấp Đ từ năm 1988 đến năm 2004), ông Nguyễn Văn S (là Trưởng ấp Đ từ năm 2004 đến năm 2009) đều xác định: Năm 1991, cha mẹ của ông Lê Trung T là cụ Lê Văn U và cụ Trần Thị N có khai khẩn đất rừng được diện tích 102.654,9m² tại ấp Đ, xã X, huyện Q, tỉnh Kiên Giang, thời kỳ đó chính quyền và ban ấp còn động viên người dân vào rừng khai hoang lấy đất sản xuất, nội dung này cũng đã được Bản án số 35/2018/HC-ST ngày 16/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã xác định, chứ không phải gia đình ông T khai phá, sử dụng sau năm 2000 như UBND thành phố Q trình bày. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng của UBND thành phố Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Ngày 08/7/2022 Tòa tuyên bản án sơ thẩm, nhưng do UBND thành phố Q xin xét xử vắng mặt, nên ngày 27/7/2022 UBND thành phố Q mới nhận được bản án sơ thẩm. Đến ngày 03/8/2022 UBND thành phố Q nộp đơn kháng cáo là trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét, trong Đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của người khởi kiện ông Lê Trung T có yêu cầu Tòa án giải quyết 02 yêu cầu sau: Hủy Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố Q và Buộc UBND thành phố Q phải ban hành quyết định về việc bồi thường đối với diện tích đất 27.542,50m² thu hồi của ông T và thực hiện chính sách hỗ trợ khác theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính thì 02 yêu cầu trên của người khởi kiện là "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ xác định "Khiếu kiện quyết định hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồ đất" là có thiếu sót. Tuy nhiên, trong phần "Nhận định"

và "Quyết định" của bản án sơ thẩm đã đánh giá và giải quyết quyết định chính và hành vi không thực thực hiện hành vi hành chính của UBND thành phố Q, nên chỉ cần nêu ra để Tòa án sơ thẩm rút kinh nghiệm, mà không cần thiết hủy bản án sơ thẩm.

** Về nội dung:*

[3] Xét Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố Q và hành vi không ban hành quyết định về việc bồi thường đối với diện tích đất 27.542,50m² thu hồi của ông T và thực hiện chính sách hỗ trợ khác theo đúng quy định pháp luật do ông Lê Trung T yêu cầu nên trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính, hành vi hành chính bị của UBND thành phố Q là phù hợp quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[4] Xét, lời trình bày tại Tòa án sơ thẩm của ông NUQ2 là người đại diện của người bị kiện và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Q tại phiên tòa phúc thẩm đều cho rằng, nguồn gốc diện tích đất 27.542,50m² của gia đình cụ U (cha của ông T) thể hiện tại Biên bản số 95/BB-HĐ ngày 26/11/2019 của UBND xã X đã xét duyệt nguồn gốc đất đối đất của cụ U bắt đầu sử dụng từ 2004, là sau thời điểm ngày 18/6/1998 UBND tỉnh Kiên Giang đã ban Quyết định số 2163/QĐ- UB quy định diện tích 33.307,82ha, trong đó có diện tích 27.542,50m² của gia đình ông T là đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng Q, nên khi bị thu hồi chỉ được hỗ trợ mà không được bồi thường. Ngoài chứng cứ nêu trên người bị kiện không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác.

[5] Qua xem xét Biên bản họp số 95/BB-HĐ ngày 26/11/2019 của UBND xã X về xét duyệt nguồn gốc đất đối với ông Lê Trung T chỉ ghi: *"Nguồn gốc trước năm 2004 do Nhà nước quản lý"* không có nội dung nào xác định diện tích đất của gia đình cụ U (cha ông T) mới bắt đầu sử dụng từ 2004 như người người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Q trình bày, hơn nữa Biên bản họp số 95 được họp xét năm 2019 là sau khi có Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2018/HC-ST ngày 16/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhưng có nội dung trái với thời điểm gia đình ông T khai phá sử dụng đất nên không được dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[6] Xét lời trình bày của người làm chứng như ông Nguyễn Văn E, là Trưởng ấp Đ từ năm 1988 đến năm 2004 và ông Nguyễn Văn S, cũng là Trưởng ấp Đ từ năm 2004 đến năm 2009, đều xác định: Năm 1991, cha mẹ của ông Lê Trung T là cụ Lê Văn U và cụ Trần Thị N có khai khẩn đất rừng được diện tích 102.654,9m² tại ấp Đ, xã X, huyện Q, tỉnh Kiên Giang, thời kỳ đó chính quyền và ban ấp còn động viên người dân vào rừng khai hoang lấy đất sản xuất, nội dung này cũng đã được Bản án

hành chính sơ thẩm số 35/2018/HC-ST ngày 16/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xác định để tuyên hủy các quyết định hành chính trước đó và buộc UBND thành phố Q phải ban hành quyết định hành chính mới để bồi thường về đất và tài sản trên đất cho các con cụ U theo quy định của pháp luật, UBND thành phố Q không kháng cáo bản án nêu trên do đó bản án có hiệu lực pháp luật. Nhưng sau đó khi thực hiện bản án số 35, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 về việc hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho ông Lê Trung T với nội dung vẫn không chịu bồi thường về đất, cây trồng trên đất cho gia đình ông T. Căn cứ vào Điều 97 của Luật Tố tụng hành chính, bản án hành chính số 35 nêu trên là là chứng cứ người khởi kiện không phải chứng minh.

[7] Từ những căn cứ trên, xác định diện tích đất 27.542,50m² bị thu hồi có nguồn gốc là từ năm 1991, cụ Lê Văn U và cụ Trần Thị N đã khai phá đất rừng, tức là trước ngày 18/6/1998 UBND tỉnh Kiên Giang ban Quyết định số 2163/QĐ- UB giao đất diện tích 33.307,82ha (trong đó có diện tích 27.542,50m² đất khai phá của của gia đình ông T) là đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, nên diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông T tại thời điểm UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 2163 không phải là đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Hơn nữa, hiện nay diện tích đất bị thu hồi nêu trên của gia đình ông T đã được nhà nước đưa ra khỏi đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng mà được xác định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu du lịch - dân cư Bắc và L tại xã X, thị trấn An Thới, huyện Q, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 10 của Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thì diện tích đất 27.542,50m² của gia đình ông T đủ điều kiện để được bồi thường về đất, tài sản trên đất và được hỗ trợ khác theo quy định của Luật đất đai.

[8] Tòa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung T, tuyên hủy Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện Q về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho ông Lê Trung T và buộc UBND thành phố Q thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định bồi thường về quyền sử dụng đất, bồi thường cây trồng trên đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Lê Trung T theo quy định pháp luật đối với diện tích đất bị thu hồi 27.542,50m² tọa lạc tại ấp Đ, xã X, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang đã bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 7221/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Q, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ, phù hợp pháp luật. UBND thành phố Q kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên kháng cáo không được chấp nhận.

[9] Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo của UBND thành phố Q không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung T là không có căn cứ chấp nhận

[11] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng của UBND thành phố Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Khoản 1 Điều 241; Điều 242 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Bác yêu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 2 Điều 39, Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; điểm a, khoản 10, Điều 1 Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung T.

2. Tuyên hủy Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện Q về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho ông Lê Trung T.

3. Buộc UBND thành phố Q, tỉnh Kiên Giang phải ban hành quyết định hành chính bồi thường quyền sử dụng đất, bồi thường cây trồng trên đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Lê Trung T theo quy định pháp luật đối với diện tích đất bị thu hồi 27.542,50m² tọa lạc tại ấp Đ, xã X, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang (đã bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 7221/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Q, tỉnh Kiên Giang).

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng

án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001961 ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Kiên Giang (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang (1);
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2).14b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương